

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN LỚP 7

PHẦN VĂN BẢN

A. BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ – NGUYỄN KHUYẾN

I. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả:

- Nguyễn Khuyến là một nhà thơ nổi tiếng trong nền văn học trung đại Việt Nam.
- Thuở nhỏ thông minh lớn lên học rộng hiểu nhiều nên đã thi đỗ tiến sĩ.
- Nguyễn Khuyến làm quan khoảng mười năm, nhưng đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Bộ, ông cáo quan về ở ẩn
- Nguyễn Khuyến là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ ca của ông chủ yếu được sáng tác vào giai đoạn sau ngày cáo quan về ở ẩn ở Yên Đỗ

2. Tác phẩm:

- Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn ở Yên Đỗ

3. Giá trị nội dung:

- Bài thơ ca ngợi tình bạn chân thành thắm thiết, đậm đà, mộc mạc và tràn đầy niềm vui dân dã của tác giả

4. Giá trị nghệ thuật

- Tạo tình huống bất ngờ, thú vị
- Giọng thơ chất phác, hồn nhiên, ẩn sau câu chữ là ánh mắt lấp lánh cùng nụ cười hồn hậu, ấm áp, chân tình của nhà thơ
- Sự kết hợp nhuần nhuyễn, tinh tế giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ bác học

II. Phân tích tác phẩm

a. Câu thơ đầu: Giới thiệu sự việc

"Đã bấy lâu nay, bác tới nhà"

- "Đã bấy lâu nay": chỉ thời gian đã qua lâu rồi

- "Bác tới nhà": chỉ sự việc bạn đến thăm

- Cách giới thiệu giản dị, gần gũi với cuộc sống
- Giọng điệu vui vẻ, chân thành, cởi mở.
- Dấu (,) tách hai câu thơ làm 2 vế như 1 lời reo vui, đón khách, thể hiện sự xúc động nghẹn ngào.

→ Câu thơ tự nhiên như một lời chào

- Cách xưng hô "bác" thể hiện sự thân tình, gần gũi và tôn trọng bạn bè.

→ Quan hệ chủ và khách rất thân mật.

⇒ Niềm vui bất ngờ, tỏ ý trân trọng quý mến bạn.

b. Sáu câu thơ giữa: Hoàn cảnh tiếp đãi bạn

- Hoàn cảnh
- Trẻ đi vắng
- Chợ – xa
- Ao sâu nước cả – khôn chài cá
- Vườn rộng, rào thưa – khó đuổi gà
- Cải – chữa ra bông
- Cà – mới nụ
- Bầu – vừa rụng rốn
- Mướp – đương hoa
- Trầu – không có → Lễ nghi tiếp khách tối thiểu cũng không có.

→ Đó là sự thật về hoàn cảnh, thiếu thốn về vật chất.

- Nghệ thuật: Lối nói hóm hỉnh, đùa vui

⇒ Cường điệu cuộc sống đạm bạc, thiếu thốn của mình.

⇒ Trọng tình nghĩa hơn vật chất, tin ở sự cao cả của tình bạn.

c. Câu thơ cuối: Tình bạn giữa hai người

"Bác đến chơi đây ta với ta"

- "Ta": chủ nhà (tác giả)

- "Ta": khách (bạn)

→ Chủ và khách không còn khoảng cách, chỉ còn "ta với ta" hai người đã là một.

⇒ Gắn bó hòa hợp, vui vẻ.

⇒ Tình bạn đậm đà, hồn nhiên, dân dã, chân thành vượt lên trên vật chất tầm thường.

* Bài văn cảm nhận về tác phẩm

Viết về bạn là một đề tài thường gặp của các thi nhân xưa. Có lẽ sâu sắc hơn cả là tình bạn của Nguyễn Khuyến giành cho Dương Khuê khi ông qua đời. Và đặc biệt hơn trong bài Bạn đến chơi nhà tình cảm ấy lại được biểu lộ thật thân thiết và đáng kính trọng biết bao. Đồng thời Nguyễn Khuyến cũng bày tỏ một quan điểm về mối quan hệ giữa vật chất và tình cảm:

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Bác đến chơi đây, ta với ta.*

Bạn hiền khi gặp lại nhau thì ai mà chẳng vui. Ở đây Nguyễn Khuyến cũng vui mừng xiết bao khi lâu ngày gặp lại bạn cũ. Lời chào tự nhiên thân mật bỗng biến thành câu thơ:

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà

Cách xưng hô bác, tôi tự nhiên gần gũi trong niềm vui mừng khi được bạn hiền đến tận nhà thăm. Phải thân thiết lắm mới đến nhà, có lẽ chỉ bằng một câu thơ - lời chào thể hiện được hết niềm vui đón bạn của tác giả như thế nào? Sau lời chào đón bạn, câu thơ chuyển giọng lúng túng hơn khi tiếp bạn:

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa

Cách nói hóm hình cho thấy trong tình huống ấy tất yếu phải tiếp bạn theo kiểu “cây nhà lá vườn” của mình. Ta thấy rằng Nguyễn Khuyến đã cường điệu hoá hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn của mình đến nỗi chẳng có cái gì để tiếp bạn:

*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa*

Ta hiểu vì sao sau lời chào hỏi bạn, tác giả nhắc đến chợ, chợ là thể hiện sự đầy đủ các món ngon để tiếp bạn. Tiếc thay chợ thì xa mà người nhà thì đi vắng cả. Trong không gian nghệ thuật này chúng ta thấy chỉ có tác giả và bạn mình (hai người) và tình huống.

Đầu trò tiếp khách, trầu không có

Đến cả miếng trầu cũng không có, thật là nghèo quá, miếng trầu là đầu câu chuyện cá, gà, bầu, mướp... những thứ tiếp bạn đều không có. Nhưng chính cái không có đó tác giả muốn nói lên một cái có thiêng liêng cao quý - tình bạn chân thành thấm thiết. Câu kết là một sự “bùng nổ” về ý và tình. Tiếp bạn chẳng cần có mâm cao cỗ đầy, cao lương mỹ vị, cơm gà cá mỡ, mà chỉ cần có một tấm lòng, một tình bạn chân thành thấm thiết.

Bác đến chơi đây, ta với ta

Lần thứ hai chữ bác lại xuất hiện trong bài thơ thể hiện sự triu mến kính trọng. Bác đã không quản tuổi già sức yếu, đường xá xa xôi, đến thăm hỏi thì còn gì quý bằng. Tình bạn là trên hết, không một thứ vật chất nào có thể thay thế được tình bạn tri âm tri kỉ. Mọi thứ vật chất đều “không có” nhưng lại “có” tình bằng hữu thâm giao. Chữ ta là đại từ nhân xưng, trong bài thơ này là bác, là tôi, là hai chúng ta, không có gì ngăn cách nữa. Tuy hai người nhưng suy nghĩ, tình cảm, lý tưởng sống của họ hoàn toàn giống nhau. Họ coi thường vật chất, trọng tình cảm, họ thăm nhau đến với nhau là dựa trên tình cảm, niềm gắn bó keo sơn thấm thiết. Tình bạn của họ là thứ quý nhất không có gì sánh được. Ta còn nhớ rằng có lần khóc bạn Nguyễn Khuyến đã viết:

Rượu ngon không có bạn hiền

Không mua không phải không tiền không mua

Câu thơ nghĩ, đắn đo muốn viết

Viết đưa ai, ai biết mà đưa?

Giường kia, treo những hững hờ

Đàn kia, gảy cũng ngân nga tiếng đàn

Có thể trong bài thơ: này chính là cuộc trò chuyện thăm hỏi của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê. Tình bạn của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê gắn bó keo sơn. Trong đoạn thơ trên ta thấy rằng khi uống rượu khi làm thơ... Họ đều có nhau. Không chỉ có bài thơ Khóc Dương Khuê.

Một số vần thơ khác của Nguyễn Khuyến cũng thể hiện tình bạn chân thành, đậm đà:

Từ trước bảng vàng nhà sẵn có

Chẳng qua trong bác với ngoài tôi
(Gửi bác Châu Cầu)

Đến thăm bác, bác đang đau ốm
Vừa thấy tôi bác nhồm dậy ngay
Bác bệnh tật, tôi yếu gầy
Giao du rồi biết sau này ra sao
(Gửi thăm quan Thượng Thư họ
Dương)

Bài thơ này viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, niêm, luật bằng trắc, đối chặt chẽ, hợp cách. Ngôn ngữ thuần nôm nghe thanh thoát nhẹ nhàng tự nhiên. Ta có cảm giác như Nguyễn Khuyến xuất khẩu thành thơ. Bài thơ nôm khó quên này cho thấy một hồn thơ đẹp, một tình bằng hữu thâm giao. Tình bạn của Nguyễn Khuyến thanh bạch, đẹp đẽ đối lập hẳn với nhân tình thế thái “Còn bạc còn tiền còn đệ tử - Hết cơm hết rượu hết ông tôi” mà Nguyễn Bình Khiêm đã kịch liệt lên án. Hai nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Khuyến sống cách nhau mấy trăm năm mà có chung một tâm hồn lớn: nhân hậu, thủy chung, thanh bạch. Tấm lòng ấy thật xứng đáng là tấm gương đời để mọi người soi chung.

B/ RẼM THÁNG GIÊNG – HỒ CHÍ MINH

I. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả Hồ Chí Minh

- Hồ Chí Minh (1890-1969), quê tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- Người là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam, người đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh và giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Hồ Chí Minh là một nhà thơ lớn của dân tộc và là Danh nhân văn hóa thế giới

2. Hoàn cảnh ra đời bài thơ Rẻm tháng giêng

Bài thơ được sáng tác tại chiến khu Việt Bắc, năm 1948 - những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

3. Phương thức biểu đạt chính bài thơ Rẻm tháng giêng

Biểu cảm

4. Giá trị nội dung bài thơ Rằm tháng giêng

Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Bác Hồ

5. Giá trị nghệ thuật bài thơ Rằm tháng giêng

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt
- Sử dụng điệp từ
- Hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển mà vẫn bình dị, tự nhiên

II. Phân tích tác phẩm

a. Thiên nhiên Tây Bắc

- Hình ảnh trăng: nguyệt chính viên - trăng đúng lúc tròn nhất

⇒ Gọi không gian cao rộng, bát ngát, tràn đầy ánh trăng

- Sức sống của mùa xuân: xuân giang, xuân thủy, xuân thiên

⇒ Ba chữ “xuân” nối tiếp nhau thể hiện sức xuân và sắc xuân đang trỗi dậy và không ngừng chuyển động để lớn dần lên. Khung cảnh tràn đầy sức sống, sông, nước và bầu trời dường như đang giao hòa với nhau

⇒ Bức tranh thiên nhiên đêm rằm mùa xuân đẹp, bát ngát, rộng lớn và tràn đầy sức sống

b. Hình ảnh con người

- Bàn việc quân: bàn việc kháng chiến, bàn việc sinh tử của dân tộc

- Hình ảnh “trăng ngân đầy thuyền”: sức lan tỏa của ánh trăng trong đêm rằm và qua đó thể hiện ý nguyện, mong muốn vươn tới thành công trong sự nghiệp cách mạng

⇒ Phong thái ung dung, lạc quan, luôn tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và tâm hồn giao cảm, hòa hợp với thiên nhiên của Bác

*** Bài văn cảm nhận về tác phẩm**

Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam ta. Là người tiên phong dẫn lối cho đất nước ta bước ra khỏi tấm màn đen của đêm trường nô lệ. Đó là những điều người người nói đến khi nhắc về Hồ Chủ tịch. Thế nhưng, bên cạnh đó, Người còn là một nhà thơ, một người nghệ sĩ đích thực với tâm hồn nhạy cảm và những tác phẩm giàu giá trị. Trong đó, chúng ta không thể không nhắc đến bài thơ Rằm tháng giêng.

Đây là một tác phẩm thơ được viết bằng chữ Hán theo thể thất ngôn tứ tuyệt đường luật quen thuộc. Ngay cả câu tứ bài thơ cũng không có gì quá mới khi hai câu thơ đầu dành để tả cảnh, hai câu thơ sau ngụ tình, tả người. Nhưng bằng tài năng, bằng trái tim nhạy cảm nhà thơ đã vẽ nên những câu thơ với hình ảnh hấp dẫn, sống động, và những ý thơ dạt dào tình cảm, ý nghĩa.

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.*

Mở đầu bài thơ là hình ảnh thiên nhiên vô cùng tươi đẹp. Đó là vào một đêm của mùa xuân, khi mặt trăng tròn đầy viên mãn ngự trị trên trời cao. Ấy là lúc khắp đất trời sung sướng mà vầy vùng trong bể trăng đầy ắp. Cái thứ ánh sáng trắng ngọc trắng ngà ấy phủ lên những lớp vàng, bạc óng ánh. Khiến cho đất trời như đẹp hơn, tình tứ hơn. Bởi vậy, mà sắc xuân, hương xuân cũng thấm đẫm hơn trên cảnh vật. Dòng sông, con nước, bầu trời không còn là nó của ngày hôm qua nữa. Mà khoác lên mình tấm áo mới, trở thành sông xuân, trời xuân. Hình ảnh thơ khiến người đọc lâng lâng trong cảm giác khi xuân chín nục, tỏa ngát thơm hương. Bầu trời, dòng sông được mùa xuân thấm đượm, lồng vào nhau, dây dưa khó phân. Mà có lẽ cũng chẳng cần phân tách, nên chúng cứ thế mà đan vào nhau, tuy hai mà một. Cả bức tranh thiên nhiên trở nên rộng lớn và thoáng đãng khi cả đất trời ngự về trên dòng thơ. Và từng hơi thở cũng vì thế mà nhẹ nhàng, mê say hơn, khi sắc xuân đương nồng thắm, sinh động mà luân chuyển, mà chảy âm ỉ trong lòng thơ.

Trong khung cảnh mê say ngây ngất ấy, hình ảnh con người hiện lên ẩn sau hình ảnh chiếc thuyền trôi giữa con sông. Điều đặc biệt là, những con người ấy đến nơi đây không phải để thưởng nguyệt hay đọc thơ mà là để làm việc:

*Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Những con người trong chiếc thuyền đây là những người chiến sĩ đang tập trung để bàn bạc việc quân sự, để bảo vệ tổ quốc. Tinh thần ấy, không chút nào bị tác động, bị lay chuyển, dù là cảnh sắc tươi đẹp ở bên ngoài thuyền. Các chiến sĩ ấy bàn bạc việc quân miệt mài đến tận đêm khuya vẫn chẳng dừng lại. Đến tận quá nửa đêm, khi ánh trăng đã tắm đẫm cả con thuyền vẫn còn miệt mài suy nghĩ.

Hình ảnh ánh trăng trải đầy thuyền là một hình ảnh vô cùng thơ mộng. Ánh trăng như một người bạn, một người đồng chí luôn ở bên quan tâm, đồng hành cùng các chiến sĩ. Hình ảnh trăng - người chiến sĩ là cặp hình ảnh song hành quen thuộc trong các tác phẩm thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó thể hiện sự gắn kết giữa con người và thiên nhiên, luôn ở bên, sát cánh cùng nhau. Ngoài ra, bức tranh sáng rọi của ánh

trăng, còn thể hiện một niềm tin vững chắc về tương lai tươi sáng ở phía trước của đất nước ta. Đó là một tương lai hạnh phúc, độc lập, bình yên, như khuôn trăng tròn đầy ở trên kia.

Bài thơ Rằm tháng giêng đã xây dựng nên một đêm trăng mùa xuân tươi đẹp, hấp dẫn. Cả bài thơ khắc họa nên bầu không gian rộng lớn, thoáng đãng, trong đó xuất hiện hình ảnh con người tuy nhỏ bé, nhưng khó để bỏ qua được. Từ đó, thể hiện được tài năng, tâm thế của tác giả. Đó là một trái tim tràn đầy tình yêu thiên nhiên, nhưng vẫn không quên nhiệm vụ đối với tổ quốc. Thật không sai khi gọi Hồ Chí Minh là “nhà thơ chiến sĩ”.

C/ TIẾNG Gà TRƯA – XUÂN QUỲNH

I. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Xuân Quỳnh (1942 – 1988)
- Nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam
- Được mệnh danh là nhà thơ của hạnh phúc đời thường.

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: Trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ
- Xuất xứ: In trong tập "Xuân Quỳnh - cuộc đời và tác phẩm"
- Thể thơ

- Ngũ ngôn.
- Có nguồn gốc từ thơ ca dân gian (từ hát dặm nghệ Tĩnh và về dân gian).
- Một bài có nhiều khổ.
- Một bài khổ có 4 câu và nhiều hơn 4 câu.
- Một câu: Có 5 tiếng (có thể có ít và nhiều hơn).
- Vận linh hoạt.
- Nhịp 3/2 ; 2/3 ; 1/2/2. 3.

- Mạch cảm xúc

- Từ sự việc nghe âm thanh tiếng gà trưa gợi một hình ảnh, sự việc trong kỉ niệm tuổi thơ của chính tác giả và nhân vật trữ tình. (Người chiến sĩ đang hành quân)

→ “Tiếng gà trưa” đi vào cuộc chiến đấu cùng với người chiến sĩ, khắc sâu thêm tình cảm đối với quê hương, đất nước, với bà
- Bố cục.

- Phần 1 (7 câu đầu): Tiếng gà cất lên trên đường hành quân (Hiện tại).
- Phần 2 (26 câu tiếp): Tiếng gà gợi về tuổi thơ (Quá khứ).
- Phần 3 (khổ cuối): Tiếng gà giục giã tinh thần chiến đấu (Hiện tại - tương lai).

3. Giá trị nội dung

- Kỉ niệm tuổi thơ trong sáng
- Tình bà cháu tha thiết và nồng ấm.

4. Giá trị Nghệ thuật

- Thể thơ ngũ ngôn đặc sắc.
- Hình ảnh thơ gần gũi và bình dị

II. Phân tích bài thơ

a. Âm vang tiếng gà trong nỗi niềm người lính trẻ trên đường hành quân (Khổ đầu)

- Thời điểm

- Buổi trưa
- Bên xóm nhỏ

- Hoàn cảnh: Trên đường hành quân

→ Âm thanh bình dị, thân thuộc, gần gũi của cuộc sống.

- Điệp từ "nghe"

- Xao động nắng trưa
- Chân đỡ mỏi

- Tuổi thơ gọi về

⇒ Lập lại 3 lần. Dường như "tiếng gà tục tác" làm xao động, làm dịu bớt nắng trưa gay gắt, xua tan những mệt mỏi.

⇒ Đánh thức những kỷ niệm xa xưa, gọi về tuổi thơ của tác giả.

b. Những kỷ niệm của tuổi thơ (26 câu tiếp theo)

- Điệp ngữ "Tiếng gà trưa" gọi về những kỉ niệm của tuổi thơ
- Hình ảnh

- Gà mái mơ
- Mái vàng
- Ổ trứng hồng

→ Hình ảnh gần gũi, thân quen của làng quê

- Một kỉ niệm về tuổi thơ đại: Tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng.
- Hình ảnh người bà

- Tay khum soi trứng
- Dành từng quả chắt chiu
- Lo đàn gà toi
- Mong trời đừng sương muối

→ Các động từ, tính từ gọi tả

⇒ Bà là người tần tảo, đầy lòng yêu thương, chắt chiu dành dụm chăm lo cho cháu.

⇒ Tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam giàu lòng nhân hậu, giàu đức hy sinh.

- Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ

+/- Được bộ quần áo mới từ tiền bán gà.

*/ Những hình ảnh kỉ niệm đó được biểu lộ:

- Tâm hồn trong sáng
- Tình cảm trân trọng, yêu quý bà của đứa cháu nhỏ.

→ Tình cảm bà cháu thật sâu nặng, thấm thiết.

⇒ Tuổi thơ êm đềm, ngọt ngào

c. Khổ cuối

Điệp từ "vì"

- +/ Cảm xúc và niềm tin trở nên tha thiết
- +/ Tiếng gà trưa bình dị mà thiêng liêng
- +/ Lay gọi, giục giã tinh thần chiến đấu cao đẹp trong tâm hồn người chiến sĩ.
- */ Cháu chiến đấu hôm nay vì

- Lòng yêu Tổ quốc.
- Xóm làng thân thuộc
- Bà
- Tiếng gà

→ Tình cảm gia đình đã hòa quyện với tình yêu đất nước trong trái tim người lính.

* Bài văn cảm nhận về tác phẩm

Tiếng gà là âm thanh rất bình dị, quen thuộc của làng quê bao đời nay. Với người lính, âm thanh quen thuộc ấy gây cho anh bao xúc động. Nó làm xao động cái nắng trưa trên đường hành quân. Âm thanh ấy làm cho anh như đang sống lại thời thơ ấu đẹp đẽ của mình, nó như tiếp thêm sức mạnh cho đôi chân anh bớt mỏi, cho lòng anh xúc động dạt dào.

Xuân Quỳnh (1942-1988) nhà thơ nổi tiếng với những bài thơ như *Thuyền và biển*; *Sóng*; *Tiếng gà trưa*... biểu lộ một hồn thơ nồng nàn, đầm thắm dào dạt thương yêu. Bài thơ tiếng gà trưa được viết vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Tiếng gà trưa là âm thanh, tiếng gọi của quê hương, gia đình, xóm làng còn in đậm trong lòng người lính ra trận, trở thành hành trang của người lính trẻ.

Tiếng gà nhà ai nhảy ổ cục...cục tác cục ta cất lên nơi xóm nhỏ. Tiếng gà là âm thanh rất bình dị, quen thuộc của làng quê bao đời nay. Với người lính, âm thanh quen thuộc ấy gây cho anh bao xúc động. Nó làm xao động cái nắng trưa trên đường hành quân. Âm thanh ấy làm cho anh như đang sống lại thời thơ ấu đẹp đẽ của mình, nó như tiếp thêm sức mạnh cho đôi chân anh bớt mỏi, cho lòng anh xúc động dạt dào:

*Cục...cục tác cục ta
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ*

Đến đoạn thơ thứ hai, trong hai mươi sáu câu thơ, câu thơ *Tiếng gà trưa* được nhắc lại ba lần, âm thanh ấy gọi về bao kỉ niệm thân yêu. Xa xa tiếng gà trưa vọng lại, người chiến sĩ nhớ về người bà thân yêu chắt chiu từng quả trứng hồng. Những quả trứng hồng, đàn gà chi chít đông đúc. Ta như thấy rất nhiều gà, rất nhiều màu sắc và lúa gà:

*Tiếng gà trưa
 Ổ rom hồng những trứng
 Này con gà mái mơ
 Khấp mình hoa đốm trắng
 Này con gà mái vàng
 Lông óng như màu nắng.*

Trong bức tranh gà mà Xuân Quỳnh miêu tả rất đặc biệt, ổ rom vàng óng lẩn lóc những quả trứng hồng, con gà mái mơ có bộ lông đan xen các màu trắng, đen, hồng... trứng nó giống hình hoa văn mà người nghệ sĩ tạo hình chằm phá. Ánh vàng rực rỡ của con gà mái vàng, lông óng lên như màu nắng, bà cùng cháu vừa tung những hạt com, hạt gạo cho lũ gà ăn, quan sát những chú gà xinh đẹp đang nhặt thóc quanh sân. Cháu cùng bà đếm từng chú gà trong vườn nhà.

Tiếng gà trưa cất lên nơi xóm nhỏ, người chiến sĩ nhớ về người bà thân yêu. Tuổi thơ sống bên bà có biết bao kỉ niệm đáng nhớ, tính hiếu kỳ, tò mò của trẻ thơ quan sát con gà đẻ trứng. Rồi bị bà mắng, sợ mặt bị lang, trong lòng cháu hiện lên lo lắng:

*Tiếng gà trưa
 Có tiếng bà vẫn mắng
 Gà đẻ mà mày nhìn
 Rồi sau này lang mặt
 Cháu về lấy gương soi
 Lòng dại thơ lo lắng*

Cháu còn làm sao quên được hình ảnh *Tay bà khom, soi trứng...* bà "tàn tảo" "chắt chiu" từng quả trứng hồng cho con gà mái ấp là cháu lại nhớ đến bao nỗi lo của bà khi mùa đông tới:

*Khi gió mùa đông tới
 Bà lo đàn gà toi
 Mong trời đừng sương muối
 Để cuối năm bán gà*

Cháu được quần áo mới.

Đoạn thơ nghe giản dị mà thật gần gũi nhường nào, những chi tiết tác giả miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt trong tâm trí trẻ thơ. Nỗi lo của bà thật cảm động xiết bao, đàn gà kia sẽ bị chết nếu như sương muối giá lạnh và cháu bà lại chẳng được may áo mới.

*Ôi cái quần chéo go,
Ổng rộng dài quét đất
Cái áo cánh trúc bâu
Đi qua nghe sột soạt*

Cháu nhớ mãi sau mỗi lần gà được bán, bà lại ra chợ chọn mua cho cháu yêu bộ quần áo thật đẹp. Tình cảm yêu thương nồng hậu bà luôn dành trọn cho cháu, cho con. Tuổi thơ sống bên bà đây là quãng đời đầy ắp những kỉ niệm khó quên.

Lần thứ tư *Tiếng gà trưa* lại cất lên. Tiếng gà gọi về những giấc mơ của người lính trẻ.

*Tiếng gà trưa
Mang bao nhiêu hạnh phúc
Đêm cháu về nằm mơ
Giấc ngủ hồng sắc trứng.*

Âm thanh xao động của tiếng gà trưa bình dị mà thiêng liêng, nó gợi tình cảm đẹp trong lòng người chiến sĩ hành quân ra trận. Âm thanh ấy như tiếng của quê hương, đất mẹ thân yêu.

*Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi, cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ*

Trong bài thơ có ba câu thơ rất hay ở rơm hồng những trứng; giấc ngủ hồng sắc trứng; ổ trứng hồng tuổi thơ cả ba câu thơ đều nói về hạnh phúc tuổi thơ, hạnh phúc gia đình làng xóm. Hình ảnh người bà hiện lên trong tâm trí người chiến sĩ hành quân ra trận thật đẹp. Lưu Trọng Lư khi nghe “Xao xác gà trưa gáy náo nùng” đã nhớ về nét cười đen nhánh, màu áo đỏ của mẹ hiền đã đi xa. Bằng Việt khi xa quê đã nhớ về quê qua hình ảnh người bà kính yêu. Tiếng tu hú kêu gọi hè về, nhớ bếp lửa ấp iu nồng đượm bà nhen nhóm sớm hôm. Và bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh gợi nhớ về bà qua tiếng gà xao xác ban trưa.

Bài thơ *Tiếng gà trưa* là bài thơ hay, tha thiết, ngọt ngào. Tiếng gà cũng là tiếng gọi thân yêu của bà, của mẹ, của quê hương. Tiếng gọi thân yêu ấy như là niềm tin cho người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương yêu dấu.

D/ MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM

I. Kiến thức cần nhớ

1. Tác giả

- Thạch Lam (1910 - 1942)
- Sinh tại Hà Nội, tên thật là Nguyễn Tường Lân
- Ông có sở trường về truyện ngắn và thành công trong tùy bút
- Văn của Thạch Lam nhẹ nhàng tinh tế, giàu chất thơ, nhân ái.

2. Tác phẩm

- Xuất xứ

- "Một thứ quà của lúa non: Cốm" in trong tập tùy bút "Hà Nội Băm sáu phố phường" (1943)

Thể loại: Tùy bút

- Là thể văn, ghi chép về những hình ảnh và sự việc có thực mà nhà văn quan sát được từ đó bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống.

- Đặc điểm

- Tùy bút thường thiên về biểu cảm, nên gần với thơ.
- Bên cạnh đó nó còn có yếu tố nghị luận, suy tư, triết lí.
- Mặc dù tùy bút không có cốt truyện nhưng đều có cảm hứng chủ đạo.

- Phương thức biểu đạt: Kết hợp nhiều phương thức miêu tả, biểu cảm, bình luận trên nền biểu cảm.

- Bố cục: Chia làm 3 phần

- Phần 1. Từ đầu đến.... "thuyền rồng": Nguồn gốc của cốm.

- Phần 2. Tiếp đến.... “nhũn nhặn”: Giá trị của cốm.
- Phần 3. Phần còn lại: Sự thưởng thức cốm

II. Phân tích bài thơ

a. Nguồn gốc của cốm

- Cách miêu tả: từ khái quát đến cụ thể: Từ cánh đồng lúa bát ngát xanh. Hương vị thơm mát của bông lúa, hạt lúa ...
- Từ ngữ: chọn lọc, tinh tế.
- Cách dẫn nhập: tự nhiên, gợi cảm.
- Cốm được làm ra từ hương vị thanh khiết của đồng quê, sự khéo léo của người dân quê Hà Nội.
- Cảm nhận bằng nhiều giác quan.
- Vừa gợi hình, gợi cảm, gợi liên tưởng. Thể hiện sự tinh tế trong cảm thụ cốm của tác giả.
- Nguồn gốc trong sạch, cao quý, thanh khiết.
- Thức quà giản dị, lịch sự, tinh tế.

b. Giá trị của cốm

- Cốm là quà quê, thức quà thiêng liêng.
 - Cốm là đặc sản của dân tộc vì nó kết tinh hương vị thanh khiết của đồng quê.
 - Ca ngợi rất sâu sắc, thấm thía.
 - Cốm làm quà sêu tết, góp phần trong hạnh phúc lứa đôi của con người.
- Cốm mang giá trị tinh thần, giá trị văn hóa cổ truyền của người Việt Nam.

c. Sự thưởng thức cốm

- Bằng nhiều giác quan
 - Khứu giác: Mùi thơm phức của lúa.
 - Vị giác: Chát ngọt của cốm.
 - Thị giác: màu xanh.
 - Xúc giác: Tươi mát của lá.
 - Sự suy tưởng: Cái dịu dàng, thanh đạm.

- Ăn: Thong thả từng chút, ngẫm nghĩ .

- Mua: Nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chắc chiu, mà vuốt ve, kính trọng lộc của trời cho, người, thần lúa.

→ Lời bàn bạc, khuyên răn hết sức biểu cảm.

⇒ Cái nhìn văn hoá với việc ẩm thực.

⇒ Cốm: Giá trị tinh thần đáng được chúng ta tôn trọng ,giữ gìn

* Bài văn cảm nhận tác phẩm

Hà Nội mảnh đất văn hóa, với nhiều sản vật quý hiếm làm nên hồn cốt ngàn năm của mảnh đất này. Với Hà Nội ta có thể nhắc đến Phở, chả cá Lã Vọng,... và không thể không nhắc đến cốm làng Vòng. Đây là giá trị văn hóa truyền thống được chất lọc qua sản vật và con người, là niềm tự hào của mỗi địa phương. Vẻ đẹp, sự tinh túy của cốm cũng như con người Hà Thành đã được phản ánh một cách đầy tinh tế qua tùy bút “Một thứ quà của lúa non: cốm” của nhà văn Thạch Lam.

Bằng vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc, Thạch Lam đã nói về nguồn gốc của Cốm. Cảm xúc được khơi gợi từ hương sen thanh nhã trên hồ, hương lá sen như báo trước một thứ quà “thanh nhã và tinh khiết” – cốm. Cốm được làm bằng thứ thóc nếp còn non, tức là trong vỏ xanh có “một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị của cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại” và khi bông lúa non ấy chính là nguyên liệu làm nên những hạt cốm thơm ngon. Cốm chính là sự kết tinh những gì thanh nhã và tinh khiết nhất của đất trời. Đoạn văn nói về nguồn gốc của cốm sử dụng ngôn từ hết sức tinh tế, giàu sức biểu cảm, thấm đượm cảm xúc trữ tình. Đọc từng câu văn của Thạch Lam ta có cảm tưởng như đang được hít hà mùi hương tinh khiết của cốm.

Cách chế biến cốm cũng thật cầu kì, khe khắt. Để làm ra những hạt cốm thơm ngon, dẻo mềm phải đợi đến “lúc vừa nhát, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được người ta gặt mang về”, cùng với những bí kíp gia truyền để tạo ra cốm. Một thức ăn dân dã những tưởng được chế biến đơn giản mà hóa ra lại cầu kì, công phu đến như vậy. Và cốm chỉ ngon nhất khi làm ở làng Vòng, cốm ở đây nổi tiếng gần xa:

Kẻ Đô làm kẹo mạch nha

Làng Vòng làm cốm để mà tiến vua.

Cách thức cốm đến với mọi người cũng thật duyên dáng, lịch thiệp, gắn liền với những “cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...”. Vẻ đẹp của con người đã tôn lên vẻ đẹp của cốm.

Bởi vậy mà cách thức thưởng thức cốm cũng thật đặc biệt. Ăn cốm phải cảm thụ bằng nhiều giác quan, phải ăn thong thả mà ngẫm nghĩ để cảm nhận được mùi thơm phức của lúa (thính giác), chất ngọt dịu dàng, thanh khiết của cốm (vị giác) và màu xanh non của cốm (thị giác). Cốm là thức ăn chơi không giành cho những người vội vã. Cốm vốn là thứ quà bình dị, không có gì cầu kì, ấy vậy mà bằng cái nhìn thấu đáo, tác giả có thái độ văn hóa khi thưởng thức cốm.

Cốm không chỉ là một thứ quà đơn thuần mà qua những dòng bình luận của Thạch Lam ta còn thấy được những giá trị, ý nghĩa sâu sắc của cốm trong văn hóa dân tộc. Cốm làm quà sêu tết, làm đồ lễ trong các lễ cưới. Sự hài hòa màu sắc giữa cốm và màu đỏ của hồng còn gì đẹp đẽ và ý nghĩa hơn trong những ngày này: “màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già” “không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa”. Cốm góp phần làm nên nhân duyên tốt đẹp cho con người. Cốm là một món quà thiêng liêng, một điểm rất khác biệt của quê hương, đất nước, mang giá trị văn hóa, tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Trong bài tùy bút Thạch Lam đã sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ, so sánh. Lời văn giàu chất thơ, nhẹ nhàng, êm ái mà sâu sắc, tinh tế, nhạy cảm và trân trọng.

Bài tùy bút đã cho thấy cốm là đặc sản của dân tộc, là món quà của đồng quê mà trời đất ban tặng cho con người. Qua đó ta còn thấy được tấm lòng trân trọng, đau đáu giữ gìn những nét văn hóa truyền thống của dân tộc của Thạch Lam.

PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Từ ghép

- Từ ghép chính phụ: có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính.

Tiếng chính đứng trước và tiếng phụ đứng sau..

- Từ ghép đẳng lập : không phân ra tiếng chính, tiếng phụ (bình đẳng về mặt ngữ

- Nghĩa từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa tiếng chính.

- Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa các tiếng tạo ra nó

- Từ ghép chính phụ : xe lam , cá thu
- Từ ghép đẳng lập : ốm yếu, xăng dầu, tốt đẹp, ăn mặc , chờ đợi, máu mủ .

2. Từ láy

- Láy toàn bộ : các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn, nhưng cũng có 1 số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm cuối(để tạo sự hài hòa về mặt âm thanh)
- Láy bộ phận: giữa các tiếng có sự giống nhau về phần vần hoặc phụ âm đầu .
- Láy toàn bộ : đo đỏ, nhè nhẹ, xinh xinh, trắng trắng
- Láy bộ phận: xấu xí , nhẹ nhàng , rách rách, lóc cóc

3. Đại từ

- Đại từ: Đại từ dùng để trỏ người , sự vật hoạt động , tính chất,được nói đến trong
 - Có 2 loại : Đại từ để trỏ và đại từ dùng để hỏi .
- một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.
- Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp như : CN, VN trong câu hay phụ ngữ của danh từ, động từ, tính từ .

4. Từ Hán Việt

- Tạo sắc thái trang trọng, thái độ tôn kính; Sắc thái tao nhã , lịch sự tránh gây cảm giác
- ghê sợ , thô tục ; Sắc thái cổ phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa .
- Thiếu niên VN rất dũng cảm-> trang trọng
- Hôm nay , ông ho nhiều và thổ huyết-> tránh sự ghê sợ
- Không nên tiêu tiện bừa bãi mất vệ sinh -> Sắc thái tao nhã , lịch sự

- Hoa Lư là cố đô của nước ta -> Sắc thái cổ

5. Quan hệ từ

- Biểu thị ý nghĩa quan hệ như : so sánh , sở hữu, nhân quả , tương phản giữa các bộ

phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn

- Thiếu quan hệ từ ; Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa; Thừa quan hệ từ; Dùng

quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.

6. Từ đồng nghĩa

- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

- Có hai loại :

+ Từ đồng nghĩa hoàn toàn : Nghĩa giống nhau, có thể thay thế cho nhau.

+ Từ đồng nghĩa không hoàn toàn : Nghĩa giống nhau, sắc thái ý nghĩa khác nhau

- VD: Đi tu phật bắt ăn chay

Thịt chó ăn được , thịt cầy thì không !

- Không phải bao giờ các từ đồng nghĩa cũng thay thế cho nhau.

- Khi nói, khi viết cần cân nhắc để chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ thể hiện

7. Từ trái nghĩa

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau .Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ trái nghĩa khác nhau.

- Đất có chỗ bồi , chỗ lở, người có người dở , người hay.

9. Từ đồng âm

- Từ đồng âm : là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.

10. Thành ngữ

- Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh
- VD: Tham sớng sợ chết, năm châu bốn biển, ruột để ngoài da, mẹ góa con côi
- Làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay làm phụ ngữ trong cụm danh từ